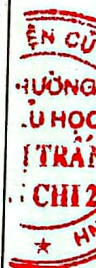


THÔNG BÁO
Cam kết chất lượng giáo dục của trường
Tiểu học Thị trấn Cử Chi 2
Năm học 2021 - 2022

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp				
		Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Điều kiện tuyển sinh	133 HS (4 lớp)	130 HS (4 lớp)	143 HS (4 lớp)	173 HS (4 lớp)	75 HS (2 lớp)
		1. Tuổi của học sinh tiểu học từ 6 đến 14 tuổi (tính theo năm). 2. Tuổi vào học lớp 1 là 6 tuổi; trẻ em khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, trẻ em ở nước ngoài về nước có thể vào học lớp 1 ở độ tuổi từ 7 đến 9 tuổi. Trẻ 6 tuổi có hộ khẩu thường trú, tạm trú tại các khu phố: 5.2 (tổ 3-9), HS tạm trú khu phố 1,2,8 thuộc địa bàn trường TH Thị Trấn Cử Chi.				
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục tuân thủ	-Chương trình giáo dục phổ thông 2018 thực hiện cho lớp 1, 2 năm học 2021 – 2022. Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05/05/2006 thực hiện cho lớp 3, 4, 5. -Thực hiện 35 tuần/năm học 1. Ngày tựu trường: 01/9/2021(Trực tuyến) 2. Ngày khai giảng: 05/9/2021(Trực tuyến) -Ngày bắt đầu chương trình học kỳ I đến kết thúc chương trình học kỳ I : Tuần 1 đến tuần 18: Từ ngày 20/9/2021 đến 21/01/2022 (gồm 18 tuần) 1. Ngày kiểm tra giữa học kỳ I: Từ ngày 22/11/2021 đến 26/11/2021 2. Ngày kiểm tra cuối học kỳ I: Từ ngày 10/11/2021 đến 14/11/2021 3. Ngày sơ kết học kỳ I : 21/11/2021 Ngày bắt đầu chương trình học kỳ II đến kết thúc chương trình học kỳ II: Từ tuần 19 đến tuần 35: Từ ngày: 24/01/2022 đến 27/5/2022 (gồm 17 tuần) 1-Ngày kiểm tra giữa học kỳ 2: Từ ngày 14/3/2022 đến 18/3//2022 2-Ngày kiểm tra cuối năm: Từ ngày 9/5/2022 đến 20/5/2022. Tổng kết năm học: Từ ngày 30/5/2022 đến 3/6/2022. Kết thúc năm học trước 30/6/2022.				
	- Yêu cầu	1. Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình:				

III	về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình. - Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	- Thực hiện theo Thông tư 55/ 2011/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 22/11/2011 ban hành Điều lệ Ban Đại diện Cha mẹ học sinh. - Cơ sở giáo dục thường xuyên thông tin các hoạt động của trường, của ngành thông qua hệ thống bảng tin, trang web, số liên lạc, của đơn vị. - Hợp Cha mẹ học sinh 03 kỳ/năm. - Thông tin về Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đánh giá học sinh tiểu học 04/9/2020 (đối với lớp 1, 2). - Thông tin về Thông tư số 22/2016/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đánh giá học sinh tiểu học đối với lớp 3, 4, 5.. - Gia đình thường xuyên trao đổi với giáo viên chu nhiệm hoặc qua số liên lạc, zalo, điện thoại... 2. Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh: - Chấp hành tốt các nội quy học sinh. - Thái độ học tập tích cực, chủ động. - Thực hiện tốt theo 5 điều Bác Hồ dạy. - Biết cách tự học; tự giác và có kỷ luật. - Năng động, sáng tạo; biết hợp tác và chia sẻ.
IV	Điều kiện cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục cam kết phục vụ học sinh (như các loại phòng phục vụ học tập, thiết bị dạy học, tin học ...)	- Đủ phòng học, đủ chỗ ngồi, đủ ánh sáng, đủ thiết bị tối thiểu. - Được trang bị bảng thông tin truyền thông. - Có thư viện với phòng đọc rộng rãi, thoáng mát
V	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	- Sinh hoạt tập thể, sinh hoạt dưới cờ theo từng chủ điểm, hoạt động ngoại khoá theo yêu cầu thực tế, phù hợp cho từng lứa tuổi học sinh. - Sinh hoạt Đội, Sao Nhi đồng. - Tổ chức các Lễ phát động: tháng An toàn giao thông, theo chủ đề năm học... - Tổ chức hội giao lưu: Viết đúng viết đẹp, Đố vui để học, Trò chơi dân gian, vẽ tranh, làm thiệp .. - Tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo.
VI	Đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý, phương	1. Đội ngũ nhà giáo đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng. Trình độ trên chuẩn: 100%. 2. Cán bộ quản lý: đủ, đảm bảo trình độ quản lý giáo dục theo yêu cầu 3. Phương pháp quản lý: Ứng dụng công nghệ thông tin vào tất cả các công tác quản lý, hoạt động giáo dục của trường, phần mềm quản lý



	pháp quản lý của cơ sở giáo dục	ePMIS. Giáo viên: người tổ chức các hoạt động, học sinh là trung tâm của các hoạt động.
VII	Kết quả đạo đức, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	- Thực hiện 5 nhiệm vụ học sinh đầy đủ 100% - 100% học sinh hoàn thành rèn luyện năng lực, phẩm chất - Lễ phép, tích cực, năng động - Được giáo dục về kỹ năng sống - Có ý thức bảo vệ môi trường - Giữ vững hiệu suất đào tạo: 100 % - Học sinh lớp 5 hoàn thành chương trình bậc Tiểu học: 100%. - Không có học sinh bỏ học. - Đảm bảo vệ sinh ATTP cho học sinh - Giảm số lượng, tỉ lệ trẻ thừa cân béo phì - Thường xuyên tổ chức vệ sinh trường lớp. - 100 % học sinh được chăm sóc sức khỏe ban đầu. - 100% học sinh tham gia bảo hiểm y tế.
VIII	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	- Có kiến thức, kỹ năng cơ bản vững chắc. - Dù sức đề học ở lớp trên hoặc cấp học trên. - Tăng cường công tác thẩm định và bàn giao chất lượng giáo dục giữa với lớp trên cũng như giữa tiểu học lên THCS. - Tăng cường giáo dục các kỹ năng sống cho học sinh.

Củ Chi, ngày 11 tháng 11 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Văn Xinh

THÔNG BÁO
Công khai thông tin chất lượng giáo dục của trường
Tiểu học Thị trấn Cù Chi 2
Năm học 2021 - 2022

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Tổng số học sinh	605	127	149	173	78	78
II	Số học sinh học 2 buổi/ngày (Dự kiến dạy trực tiếp)	605 100,0	127 100,0	149 100,0	173 100,0	78 100,0	78 100,0
III	Số học sinh chia theo mức độ năng lực, phẩm chất	605	127	149	173	78	78
	a) Năng lực	605	127	149	173	78	78
1	-Tốt	529	122	128	153	74	52
	-Tỷ lệ so với tổng số	87,4	96,1	85,9	88,4	94,9	66,7
2	-Đạt	75	4	21	20	4	26
	-Tỷ lệ so với tổng số	12,4	3,1	14,1	11,6	5,1	33,3
3	-Cần cố gắng	1	1	0	0	0	0
	-Tỷ lệ so với tổng số	0,2	0,8				
	b) Phẩm chất	605	127	149	173	78	78
1	-Tốt	483	126	139	158	78	52
	-Tỷ lệ so với tổng số	79,8	99,2	93,2	91,3	100,0	66,7
2	-Đạt	51	1	10	14	4	22
	-Tỷ lệ so với tổng số	8,4	0,8	6,7	8,1	5,1	28,2

3	-Cần cố gắng -Tỷ lệ so với tổng số)						
IV	Số học sinh chia theo kết quả học tập	605	127	149	173	78	78
1	Hoàn thành tốt -Tỷ lệ so với tổng số)	487 80,5	120 94,5	110 73,8	130 75,1	68 87,2	59 75,6
2	Hoàn thành -Tỷ lệ so với tổng số)	112 18,5	5 3,9	36 24,2	42 24,3	10 12,8	19 24,4
3	Chưa hoàn thành -Tỷ lệ so với tổng số)	6 1,0	2 1,6	3 2,0	1 0,6	0 0,0	0 0,0
V	Tổng hợp kết quả cuối năm	605	127	149	173	78	78
1	-Lên lớp -Tỷ lệ so với tổng số)	600 99,2	125 98,4	147 98,7	171 98,8	78 100	78 100
a	-HS được khen thưởng cấp trường -Tỷ lệ so với tổng số)	354 58,5	104 81,9	68 45,6	86 49,7	52 66,7	20 25,6
b	-HS được cấp trên khen thưởng -Tỷ lệ so với tổng số)	25 4,1	5 3,9	5 3,4	5 2,9	5 6,4	5 6,4
2	-Ở lại lớp -Tỷ lệ so với tổng số)	5 0,8	2 1,6	2 1,3	1 0,6	0 0,0	0 0,0

Củ Chi, ngày 11 tháng 11 năm 2021

HAI TRƯỜNG
TIỂU HỌC
THỊ TRẦN
CỦ CHI 2
Nguyễn Văn Xinh

THÔNG BÁO
Công khai thông tin sở vật của trường
Tiểu học Thị trấn Củ Chi 2
Năm học 2021 - 2022

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học/số lớp	21/18	
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	21/18	
2	Phòng học bán kiên cố	0	
3	Phòng học tạm	/	-
4	Phòng học nhờ	/	-
III	Số điểm trường	1	-
IV	Tổng diện tích đất (m ²)	4015	6,58 m ² /học sinh
V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m ²)	1602	2,63 m ² /học sinh
VI	Tổng diện tích các phòng	1535	
1	Diện tích phòng học (m ²)	1071	1,76 m ² /học sinh
2	Diện tích phòng thiết bị (m ²)	40	
3	Diện tích thư viện (m ²)	114	
4	Diện tích nhà đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	250	
5	Diện tích phòng khác (....)(m ²)	60	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Khối lớp 1	4	4/4
2	Khối lớp 2	4	4/4
3	Khối lớp 3	4	4/4
4	Khối lớp 4	2	4/4
5	Khối lớp 5	2	2/2
VIII	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	1	
IX	Tổng số thiết bị		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	02	2/18
2	Cát xét	0	0/18
3	Dầu Video/dầu đĩa	0	0/18

4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	1	1/18
5	Bộ âm thanh (amly, loa)	1	1/18
6			

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	73
XI	Nhà ăn	130

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	/		
XIII	Khu nội trú	/		

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	3		6		0,5 m ²
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Quyết định số 07/2007/QĐ-BGĐT ngày 02/4/2007 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học và Quyết định số 08/2005/QĐ-BYT ngày 11/3/2005 của Bộ Y tế quy định về tiêu chuẩn vệ sinh đối với các loại nhà tiêu).

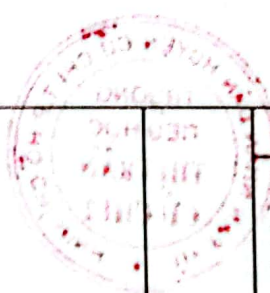
		Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet (ADSL)	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

Củ Chi, ngày 11 tháng 11 năm 2021



Nguyễn Văn Xinh

THÔNG BÁO
Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo,
cán bộ quản lý và nhân viên của trường
Tiểu học Thị trấn Cũ Chi 2
Năm học 2021 - 2022



STT	Nội dung	Tổng số	Hình thức tuyển dụng		Trình độ đào tạo					
			Tuyển dụng trước ND 116 và tuyển dụng theo ND 116 (Biên chế, hợp đồng làm việc ban đầu, hợp đồng làm việc có thời hạn, hợp đồng làm việc không thời hạn)	Các hợp đồng khác (Hợp đồng làm việc, hợp đồng vụ việc, ngắn hạn, thỉnh giảng, hợp đồng theo ND 68)	TS	ThS	ĐH	CĐ	TCCN	Dưới TCCN
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	32	21	11			21	5	2	4
I	Giáo viên	22	17	4			19	3		
	Giáo viên dạy lớp	22	19	3			19	3		
1	Mỹ thuật	0	0	0			0			
2	Thể dục	1		1			1			
3	Âm nhạc	0		0			0			
4	Tiếng nước ngoài	2	2	0			2			
5	IPT Đồi	1	1	0				1		
II	Cán bộ quản lý	2	2				2			
1	Hiệu trưởng	1	1	0			1			
2	Phó hiệu trưởng	1	1	0			1			
III	Nhân viên	8	2	6			1	1	2	4

1	Nhân viên văn thư	1	1	0					1	
2	Nhân viên kế toán	1	0	1				1		
3	Thủ quỹ	0	0	0						
4	Nhân viên y tế	1	1						1	
5	Nhân viên thư viện	1	0	1				1		
6	Nhân viên khác	4	0	4						4

Cù Chi, ngày 11 tháng 11 năm 2021


 TRƯỞNG
 TIỂU HỌC
 THỊ TRẦN
 CÙ CHI 2
 NGUYỄN VĂN XINH